

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 2520/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình  
giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030;*

*Căn cứ Thông báo số 791-TB/TU ngày 14/10/2019 của Tỉnh ủy Thái Bình kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương triển khai xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng đến 2025 của tỉnh Thái Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp quy hoạch năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ: Lập Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 72/TTr-STTTT ngày 14/8/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Quang*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình (để công bố);
- Lưu: VT, TH, VX. *Quang*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Quang*  
**Nguyễn Quang Hưng**

**ĐỀ ÁN**

**XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TỈNH THÁI BÌNH  
GIAI ĐOẠN 2020-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh)*

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐỀ ÁN**

Đô thị thông minh là ứng dụng công nghệ thông tin và thành tựu, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào mọi hoạt động đời sống kinh tế xã hội để nâng cao năng lực quản lý điều hành nhà nước, tạo ra môi trường năng động để doanh nghiệp và người dân được hưởng các dịch vụ thông minh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện chất lượng cuộc sống. Xây dựng đô thị thông minh là ứng dụng công nghệ hiện đại tập trung dữ liệu phục vụ công tác phân tích dữ liệu để hỗ trợ lãnh đạo các cấp ra quyết định nhanh chóng, kịp thời đồng thời làm thay đổi phương pháp quản lý, thay đổi cách sống, làm việc, và học tập của mọi người trong tỉnh để nâng cao năng suất và hiệu quả trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vì vậy lập Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh để theo kịp với sự phát triển của các tỉnh thành trong cả nước.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;
- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030;
- Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển Đô thị thông minh (phiên bản 1.0);
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;
- Thông báo số 791-TB/TU ngày 14/10/2019 của Tỉnh ủy Thái Bình kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương triển khai xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2025 tại Báo cáo số 113/BC-UBND tỉnh ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh;
- Kế hoạch số 198-KH/TU ngày 29/11/2019 của Tỉnh ủy Thái Bình thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 1.0;
- Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng đến 2025 của tỉnh Thái Bình;
- Chương trình hành động số 43/CTHĐ-UBND ngày 08/5/2019 thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh mạng quốc gia của tỉnh Thái Bình.

### **III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Mục tiêu**

- Hoàn thiện các thành phần trong Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thái Bình; xác định rõ các nội dung, hạng mục đầu tư; bố trí và thu hút mọi nguồn lực, thực hiện các lộ trình để xây dựng thành công Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và đưa tỉnh Thái Bình trở thành tỉnh phát triển về ứng dụng công nghệ thông tin.
- Xây dựng lộ trình triển khai thích hợp trong từng giai đoạn; phải ưu tiên triển khai dịch vụ thông minh trên các lĩnh vực trọng điểm gắn kết chặt chẽ với

đảm bảo an toàn, an ninh mạng nhằm triển khai đô thị thông minh thành công và bền vững.

## **2. Nhiệm vụ**

a) Xây dựng lộ trình, các nội dung đầu tư toàn diện để có hạ tầng nền tảng hiện đại, đồng bộ trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) bao gồm: hạ tầng chính quyền điện tử, đô thị thông minh; các tính năng quản trị xã hội “thông minh”, hệ sinh thái thông minh trên các lĩnh vực; quản trị an toàn các dịch vụ thông minh trên cơ sở kế thừa hạ tầng hiện có, đầu tư mới, bổ sung hoàn thiện giải pháp hạ tầng về xử lý dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (Internet of Things - IoT); triển khai chuyên đổi số trong tất cả các ngành, trên tất cả các lĩnh vực của tỉnh; xây dựng tích hợp cơ sở dữ liệu của các ngành vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để tăng khả năng kết nối, liên thông các hệ thống thông tin trên quy mô toàn tỉnh phục vụ phát triển các dịch vụ của đô thị thông minh bảo đảm hỗ trợ triển khai các loại hình dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b) Đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo vận hành, sử dụng, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin của Chính quyền điện tử và các dịch vụ thông minh trên các lĩnh vực của tỉnh trong thời gian tới.

c) Giảm đầu tư trùng lặp, vì xác định được rõ các thành phần, hệ thống thông tin trong xây dựng đô thị thông minh và trách nhiệm, lộ trình triển khai của các cơ quan.

## **PHẦN I**

### **HIỆN TRẠNG LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH CỦA TỈNH THÁI BÌNH**

#### **I. KHÁI NIỆM ĐÔ THỊ THÔNG MINH**

Khái niệm đô thị thông minh được đề cập đến cuối những năm 1990 và cho đến nay theo thời gian, đô thị thông minh phát triển qua 03 giai đoạn, thời gian đầu, đô thị thông minh chỉ là đưa hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin vào cải tiến một vài khâu trong quản lý, vận hành đô thị. Đến giữa những năm 2000, việc xây dựng đô thị thông minh có sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, vai trò của nguồn lực con người đặt lên trên vai trò công nghệ thông tin, khi đó đã xuất hiện nhiều ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành hạ tầng đô thị như các tòa nhà, giao thông, cung cấp điện nước và an toàn xã hội, cũng như trong công tác quy hoạch, phát triển và vận hành các thành phố. Từ 2010 đến nay, xây dựng đô thị thông minh trở thành chiến lược phát triển của nhiều thành phố trên thế giới, nhằm hướng đến việc cung cấp cuộc sống chất lượng cao một cách bền vững cho cư dân và dịch vụ, môi trường kinh doanh chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho người dân và doanh nghiệp.

Trải qua nhiều giai đoạn đã xuất hiện nhiều định nghĩa về đô thị thông minh. Năm 2016, Liên minh viễn thông thế giới (ITU) đã tổng kết khoảng 116 định nghĩa về đô thị thông minh từ nhiều nguồn khác nhau nhằm đưa ra một định nghĩa chung đó là: “Đô thị thông minh phát triển bền vững là đô thị đổi mới sáng tạo, sử dụng ICT (CNTT và truyền thông) cùng các phương tiện khác để cải thiện chất lượng

cuộc sống, hiệu quả quản lý vận hành, cung cấp dịch vụ và mức độ cạnh tranh của đô thị, trong khi vẫn đảm bảo đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về mọi khía cạnh kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội”.

Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc gia BSI của Anh định nghĩa (tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) và Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC) đã dẫn chiếu định nghĩa này khi đề cập về thuật ngữ đô thị thông minh trong tiêu chuẩn ISO/IEC 37122:2019): “Đô thị thông minh là sự tích hợp hiệu quả các hệ thống vật lý, số và con người để xây dựng một môi trường sống tương lai thịnh vượng, toàn diện và bền vững cho người dân”.

Theo định nghĩa của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019 về việc công bố Bộ chỉ số Đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn năm 2025 (Phiên bản 1.0), qua đó Đô thị thông minh được hiểu là: Đô thị hoặc khu vực cư dân ứng dụng ICT phù hợp, tin cậy, có tính đổi mới sáng tạo và các phương thức khác nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phân tích, dự báo, cung cấp dịch vụ, quản lý các nguồn lực của đô thị có sự tham gia của người dân; nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc của cộng đồng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phát triển kinh tế; đồng thời bảo vệ môi trường trên cơ sở tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin giữa các hệ thống và dịch vụ. Khái niệm đô thị thông minh được hiểu là đô thị thông minh phát triển bền vững.

Như vậy: Đô thị thông minh (ĐTTM) là một mô hình mới trong đó việc ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các giải pháp đồng bộ được đưa vào áp dụng tới từng đơn vị, tổ chức, tạo ra một hệ thống điều hành quản lý thông minh; nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công, các ngành kinh tế - xã hội tạo ra các tiện ích lớn cho mọi người dân trong toàn tỉnh.

## **II. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI ĐÔ THỊ THÔNG MINH**

### **1. Xu hướng phát triển Đô thị thông minh**

Với điểm chung là nâng cao mức độ hài lòng của xã hội; cải tiến hiệu quả, minh bạch các hoạt động của Chính phủ và đảm bảo tính công bằng, chuẩn mực trong quản lý nhà nước bằng công nghệ trên các lĩnh vực thông minh.

Một số đặc điểm chính trong xu hướng phát triển đô thị thông minh có thể điểm qua như sau:

a) Phát triển Chính phủ điện tử lấy người dân làm trọng tâm, rút ngắn khoảng cách giữa người dân với các cơ quan nhà nước thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống; tăng cường hiệu quả hoạt động và tối ưu chức năng của các cơ quan nhà nước,

b) Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào phát triển dịch vụ thông minh trên các lĩnh vực và huy động năng lực của mỗi người dân, doanh nghiệp vào việc phát triển xã hội thông minh trên cơ sở nâng cao hiệu suất phục vụ của cơ quan nhà nước.

c) Cung cấp nhiều kênh truy cập thông tin và sử dụng thuận tiện các dịch vụ, tiện ích thông minh từ các thiết bị di động.

d) Tạo ra môi trường cộng tác điện tử, kết nối toàn diện; tăng cường tính tích hợp trong cung cấp dịch vụ công, xây dựng nền tảng đồng nhất về hạ tầng ứng dụng, chia sẻ về dữ liệu và các quy trình nghiệp vụ.

e) Ban hành tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy tương tác liên thông, chuẩn hóa công nghệ; thông tin được tái cấu trúc và lưu trữ thông nhất, hình thành một môi trường tích hợp các thành phần dữ liệu, hệ thống và tiến trình trong các cơ quan khác nhau nhằm loại trừ các thành phần trùng lặp. Xây dựng hạ tầng viễn thông tiên tiến kết nối đầy đủ giữa các cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp; cung cấp các dịch vụ thông minh cho phép tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và nguồn lực của Nhà nước

f) Đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao để có thể quản lý, sử dụng, khai thác các dịch vụ thông minh của đô thị.

g) Đảm bảo an toàn thông tin mạng, bảo vệ tính riêng tư và nâng cao độ tin cậy dịch vụ.

## **2. Kinh nghiệm triển khai đô thị thông minh ở một số nước**

### **2.1 Thành phố Amsterdam**

Đô thị thông minh Amsterdam được triển khai theo hình thức đối tác công - tư bao gồm chính phủ, tổ chức nghiên cứu, công ty và người dân. Mục tiêu là xây dựng nền tảng đổi mới đô thị thông minh trên cơ sở triển khai các dự án phát triển hệ sinh thái đô thị thông minh, kết nối các cộng đồng để chia sẻ về chuyên môn, tăng tốc và thúc đẩy các dự án mới. Để chia sẻ kinh nghiệm, nền tảng trực tuyến phát triển và cung cấp các công cụ và phương pháp đánh giá dự án, đồng thời tổ chức các buổi trao đổi, các khóa học, cùng nhau thảo luận và học hỏi từ các dự án Đô thị thông minh, về năng lực, di động và phát triển kinh tế. Các lĩnh vực kiến thức khác có thể truy cập trực tuyến bao gồm các yếu tố và điều kiện mở rộng các dự án thí điểm Đô thị thông minh, vai trò của các công ty trong hệ sinh thái Đô thị thông minh, các thách thức liên quan đến dữ liệu mở và cách các đô thị thông minh có thể chuyển đổi.

Trong những năm gần đây, Amsterdam đang trải qua sự bùng nổ về dân số, do được coi là một trung tâm đô thị tiến bộ và trung tâm trong nền kinh tế tri thức châu Âu, nên nhiều người đã đến Amsterdam để học tập, làm việc định cư sinh sống tại đây. Để Amsterdam mở rộng không gian một cách thông minh, Hội đồng thành phố Amsterdam đã phát triển kế hoạch tổng thể thành phố cấu trúc Amsterdam đến 2040, tích hợp thiết kế đô thị đổi mới và chiến lược trẻ hóa khu phố cổ, phát triển các hệ thống công nghệ thông minh và các phương tiện đi lại tiên tiến cho người dân và du khách. Mục tiêu bao trùm là tăng cường các hạ tầng hiện có và xây dựng các khu kinh doanh, thương mại và dân cư ngoại thành mới nhằm tối đa hóa không gian hiệu quả nhất. Sự phong phú của kiến trúc hiện đại mới đang nâng thủ đô Hà Lan trở thành trung tâm của các thành phố thiết kế toàn cầu, là một tài sản mạnh mẽ để thu hút các chuyên gia và tập đoàn công nghiệp tri thức đến làm việc tại đây.

Nếu kế hoạch quy hoạch tổng thể nhằm phát triển phân cứng của thành phố, thì dự án phát triển các ứng dụng Đô thị thông minh Amsterdam là phần mềm trí tuệ của nó. 75 dự án Đô thị thông minh được tổ chức thành năm ngành dọc, bao

gồm di động, kinh tế, cuộc sống dân cư, phúc lợi xã hội và các khu hoạt động cộng đồng, các dự án được thiết kế để tích hợp liên mạch với nhau tạo ra hiệu quả nhất có thể. Các dự án Đô thị thông minh bao gồm từ ngôi nhà in 3D đầu tiên trên thế giới đến việc tái phát triển khu phố công nghiệp ở Amsterdam, thiết lập mạng lưới đèn tín hiệu giao thông được kết nối dọc theo con đường đô thị, các cảm biến, camera được kết nối để thử nghiệm những ứng dụng điều hành giao thông công cộng, chiếu sáng công cộng và đo các thông số môi trường. Sáng kiến của Đô thị thông minh Amsterdam là thu thập dữ liệu từ cộng đồng địa phương thông qua dự án Công dân thông minh. Người dân có thể mua các cảm biến giá rẻ để chia sẻ mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn với chương trình dữ liệu mở của thành phố. Bởi vì người dân trực tiếp tham gia nên họ nhận thức rõ hơn những thách thức về tính bền vững của đô thị thông minh.

## **2.2 Thành phố Seoul**

Chính quyền thành phố Seoul đã phát triển các sáng kiến Chính phủ điện tử kết hợp công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến để cải thiện hiệu quả và chất lượng quản trị, phục vụ công dân. Chương trình kỹ thuật số toàn cầu Seoul 2020: Đô thị thông minh Seoul với tính kết nối mới, kế hoạch trải nghiệm mới tìm cách tiếp tục quản trị lại, để chuyển từ cách tiếp cận theo định hướng công dân tham gia điều hành xã hội.

Vào tháng 7 năm 2013, Chính quyền thành phố Seoul đã cung cấp 60 dịch vụ phục vụ cộng đồng, bao gồm từ các hoạt động xe buýt, tàu điện ngầm, các sự kiện văn hóa, các cơ hội việc làm, thông tin bất động sản và dịch vụ công cộng. Mobile Seoul cho phép người dân truy cập thông tin ở bất kỳ nơi nào được kết nối với Internet và các điểm truy cập Wifi công cộng. Để thuận tiện tiếp nhận thông tin phản hồi của người dân, Chính quyền thành phố Seoul cũng ra mắt một trung tâm truyền thông xã hội tiếp nhận các ý kiến khiếu nại của người dân, nhận thông tin khẩn cấp về phòng cháy chữa cháy, an ninh xã hội, trật tự xã hội. Với mục tiêu công dân tham gia điều hành xã hội, Chính quyền thành phố Seoul đã phát hành ứng dụng trung cầu ý kiến, cho phép chính quyền thành phố Seoul chia sẻ chính sách của mình với công dân và để họ bỏ phiếu cho những sáng kiến mà họ ưu tiên. Ngày nay, chính quyền thành phố Seoul dành khoảng năm phần trăm ngân sách chi tiêu công cho các dự án được công dân đề xuất thông qua ứng dụng.

Thành phố Seoul từng được xếp hạng đầu tiên trong danh sách thành phố ứng dụng công nghệ cao vào năm 2015 do tạp chí WorldBlaze bình chọn. Seoul cũng đi tiên phong trong triển khai công nghệ di động 5G. Để khuyến khích người dân sử dụng các ứng dụng thông minh, Seoul còn cung cấp máy tính bảng và điện thoại thông minh, hỗ trợ cho người già và người tàn tật có thể kết nối đến các ứng dụng chăm sóc theo dõi tình trạng sức khỏe cho họ khi cần thiết.

## **III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM**

### **1. Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Ngày 01/8/2018, Chính phủ có Quyết định số 950/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, định



hướng đến năm 2030”. Đề án hướng tới mục tiêu phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực; khai thác tối đa hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của giai đoạn đến năm 2025 là thực hiện giai đoạn 01 thí điểm phát triển đô thị thông minh, bao gồm: Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, các quy định quy phạm pháp luật trên cơ sở sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm; triển khai áp dụng khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam; công bố các tiêu chuẩn quốc gia ưu tiên phục vụ cho việc triển khai xây dựng thí điểm các đô thị thông minh, ưu tiên cho các lĩnh vực quản lý đô thị, chiếu sáng, giao thông, cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, lưới điện, hệ thống cảnh báo rủi ro thiên tai và hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin; phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng và các dữ liệu khác trên nền địa lý (GIS) tại các đô thị thí điểm giai đoạn 01; thí điểm áp dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch đô thị và hệ thống tra cứu thông tin quy hoạch đô thị tối thiểu 03 đô thị từ loại II trở lên;

Thủ tướng Chính phủ cũng chấp thuận về nguyên tắc 07 nhóm nhiệm vụ ưu tiên để triển khai thực hiện Đề án kèm theo lộ trình và phân công thực hiện, bao gồm: Nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách phát triển đô thị thông minh bền vững tại Việt Nam: Thiết lập, duy trì và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu không gian đô thị thông minh số hóa liên thông đa ngành; nghiên cứu, ứng dụng, phát triển quy hoạch đô thị thông minh bền vững; lập kế hoạch, thu hút nguồn lực đầu tư xây dựng và quản lý phát triển hạ tầng đô thị thông minh; lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình, dự án thí điểm phát triển đô thị thông minh bền vững; đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử; Thúc đẩy việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển, vận hành đô thị thông minh theo các giai đoạn.

## **2. Các định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng Đô thị thông minh**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành: Công văn số 58/BTTTT-KHCN ngày 11/01/2018 hướng dẫn các nguyên tắc định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam; Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/05/2019 ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh, phiên bản 1.0; Công văn số 3089/BTTTT-KHCN ngày 13/09/2019 ban hành Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (Phiên bản 1.0).

## **3. Kinh nghiệm triển khai tại một số địa phương**

Trên thực tế tại Việt Nam, thời gian qua nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã có kế hoạch và bắt đầu xây dựng các dự án thí điểm về phát triển đô thị thông minh, điển hình như:

### 3.1 Thành phố Huế (tỉnh Thừa Thiên-Huế)

Tỉnh Thừa Thiên - Huế xác định quan điểm phát triển dịch vụ đô thị thông minh là lấy người dân làm trung tâm; lấy doanh nghiệp làm động lực; Nhà nước đóng vai trò kiến tạo. Có 4 mục tiêu tổng quát cần đạt được: Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao; quản lý đô thị tinh gọn; nâng cao năng lực cạnh tranh; dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện.

Nét nổi bật trong quá trình triển khai Đề án là việc tỉnh phối hợp với một Tập đoàn xây dựng “Trung tâm Giám sát điều hành ĐTTM”, đưa vào vận hành từ năm 2018. Trung tâm này có chức năng giám sát, xử lý giao thông; giám sát, quản lý hình ảnh phục vụ xử phạt vi phạm hành chính thông qua hình ảnh; quản lý các phương tiện công cộng; quản lý các điểm đỗ xe trên đường phố, tầng hầm của các tòa nhà cao tầng. Đồng thời, giám sát an ninh, tình hình an toàn trật tự tại các khu vực trung tâm, khu vực trọng yếu, khu di tích, nơi tập trung đông người trên địa bàn thành phố Huế. Đây là 1 trung tâm đa chức năng: Giám sát điều hành giao thông; giám sát an ninh công cộng; giám sát thông tin truyền thông trực tuyến; giám sát an toàn thông tin mạng; tổng đài hành chính công cho người dân, tổng đài hỗ trợ du khách... Thông qua hệ thống ứng dụng, các camera chuyển hình ảnh, giúp cho những việc cần phải giải quyết nhanh như phòng cháy, chữa cháy, môi trường.

Dịch vụ phản ánh hiện trường được xem như cầu nối giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền thành phố. Dịch vụ thông tin cảnh báo cung cấp những thông báo có tính cấp thiết, những thông báo có tính tác động đến toàn bộ người dân trên toàn tỉnh, hoặc một số địa bàn quan trọng; những thông tin cảnh báo đối với các sự kiện lớn trong tỉnh; không cảnh báo những nội dung có tính đơn lẻ, đối tượng tác động không lớn. Các dịch vụ ĐTTM khác sẽ được kích hoạt theo lộ trình, nhằm đảm bảo hướng đến cung cấp một ứng dụng duy nhất toàn tỉnh. Từ kết quả triển khai thí điểm, sẽ nâng cấp, mở rộng tích hợp các nền tảng và dịch vụ ĐTTM trong giai đoạn 2019-2022.

Mô hình của Huế chủ yếu lấy người dân làm trung tâm và ưu tiên cung cấp dịch vụ thông minh cho người dân. Các dịch vụ chủ yếu khai thác công nghệ IoT và mạng truyền dẫn mà chưa có một nền tảng dữ liệu ĐTTM nên việc phát triển tiếp các dịch vụ khác sẽ bị hạn chế.

### 3.2 Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất triển khai 04 nhiệm vụ lớn liên quan đến các vấn đề chung của các sở, ban, ngành, quận huyện, đó là: Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở; xây dựng Trung tâm điều hành ĐTTM; xây dựng Trung tâm dự báo và mô phỏng kinh tế - xã hội; thành lập Trung tâm an toàn thông tin. Bên cạnh 04 Trung tâm nêu trên, mỗi sở, ban, ngành sẽ thực hiện các dự án, trong đó có các ứng dụng chuyên ngành, tuy nhiên phần dữ liệu và dịch vụ phải được kết nối theo cả chiều ngang, tránh tình trạng cát cứ dữ liệu. Thành phố Hồ Chí Minh chọn 03 đơn vị thí điểm xây dựng ĐTTM là: Quận 1 (nội thành), Quận 12 (ven đô) và Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Từ những bằng hiệu giao thông bằng điện tử, cho đến thùng rác thông minh, phố sách phủ sóng wifi miễn phí, có điểm truy cập tra cứu thông tin điện tử hiện đại... đó là những ứng dụng sơ khai nhưng cụ thể, thiết thực của Đề án xây dựng

thành phố Hồ Chí Minh trở thành ĐTTM. Sở Giao thông vận tải lắp đặt 14 bảng điện tử hiển thị các nội dung về tình hình giao thông, quy định về đảm bảo an toàn giao thông, hoặc thông tin về việc cấm đường, phân luồng giao thông. Đây được xem là tiền đề thực hiện triển khai hệ thống giao thông thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2019, thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu triển khai “Các dịch vụ thông minh”. Ngành dịch vụ được xem là mũi nhọn phát triển chiến lược với 09 nhóm ngành chính, gồm: tài chính - ngân hàng - bảo hiểm; thương mại; du lịch; vận tải, cảng và kho bãi; bưu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; kinh doanh tài sản bất động sản; tư vấn; khoa học công nghệ, y tế; giáo dục và đào tạo. Hạ tầng cho phát triển ngành dịch vụ là hạ tầng vật thể bao gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng mạng...; còn hạ tầng phi vật thể là: hệ thống pháp lý, quy định pháp luật, cơ chế về tài chính, hạ tầng dữ liệu, ... Các cơ sở hạ tầng này phục vụ cho nhu cầu rất đa dạng để vận hành và phát triển các ngành dịch vụ trong Thành phố.

Ngay từ đầu năm 2020, thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu triển khai Trung tâm điều hành y tế thông minh và Trung tâm điều hành giáo dục thông minh. Trung tâm điều hành y tế thông minh được triển khai thí điểm các hợp phần như: hệ thống kết nối tổng hợp số liệu từ các đơn vị, tương tác nội bộ, tổ chức quản lý hợp thông minh, xây dựng hệ thống bản đồ số, kết nối qua camera với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo, chẩn đoán bệnh từ xa, hệ thống giám sát phòng, chống dịch cúm Corona... Trong quá trình vận hành, trung tâm sẽ tiếp tục hoàn thiện, tích hợp thêm camera giám sát, hệ thống 115, đánh giá hiệu quả, để tính toán cụ thể đầu tư cho tương lai. Dự kiến đến tháng 9/2020, sẽ triển khai rộng rãi mô hình này.

Ứng dụng thông minh trong lĩnh vực y tế như: sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong phẫu thuật nội soi với robot Da Vinci; mô hình "bệnh viện số"; hệ thống phản ứng khẩn cấp giải quyết sự cố an ninh, trật tự trong bệnh viện; mạng lưới cấp cứu thông minh; đăng ký khám bệnh trực tuyến; các phương thức thanh toán viện phí không dùng tiền mặt trong bệnh viện; phần mềm để người bệnh cùng bác sĩ kiểm tra thông tin trước khi mổ; ứng dụng trí tuệ nhân tạo tiếp cận y học cá thể trong điều trị ung thư.

Mô hình thí điểm Trung tâm điều hành giáo dục thông minh bao gồm các hợp phần: xây dựng và quản lý hệ thống báo cáo bằng công cụ thông minh, trực tuyến; hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành bằng các công cụ thông minh; quản lý và tổ chức các cuộc họp thông minh; cập nhật các thông tin mới nhất về ngành giáo dục và đào tạo trên Cổng thông tin điện tử, giám sát thông tin trên môi trường mạng nhằm tạo Hệ sinh thái trực tuyến phục vụ việc soạn giảng, nghiên cứu của thầy và hoạt động tự học của trò; tạo nền tảng xây dựng xã hội học tập.

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn, có tiềm lực nên mô hình xây dựng khá cơ bản, có kiến trúc phân cấp, có định hướng, tập trung vào xây dựng nền tảng dữ liệu để khai thác triệt để các công cụ dữ liệu lớn để điều hành, để phân tích dự báo cho phát triển kinh tế xã hội.

### **3.3 Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh)**

Đề án của Quảng Ninh tập trung xây dựng 32 nhiệm vụ, dự án. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2020, xây dựng thành phố Hạ Long trở thành thành phố du lịch

thông minh của Việt Nam. Đối với 03 thành phố còn lại, tiếp tục hoàn thiện xây dựng đề án ĐTTM, có sự kết nối, kế thừa với tổng thể chung của tỉnh. Đến năm 2022, ngoài Hạ Long, tỉnh phần đầu có thêm 03 thành phố vệ tinh thông minh nữa.

Để xác định các tiêu chí đánh giá ĐTTM cho Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có cách làm sáng tạo. Tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tự đề xuất bộ chỉ tiêu đánh giá ĐTTM phù hợp cho thành phố Hạ Long, trước khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Bộ tiêu chí về ĐTTM.

Mô hình xây dựng ĐTTM của Quảng Ninh được xây dựng bám sát định hướng của Bộ, bài học của Quảng Ninh là biết tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm phát triển kinh tế-xã hội (như du lịch) và biết làm thí điểm mô hình ĐTTM cho thành phố Hạ Long.

#### **4. Mối quan hệ giữa Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh**

Mối quan hệ giữa ĐTTM và CQĐT là mối quan hệ biện chứng phát triển, trong đó CQĐT là nòng cốt. ĐTTM không chỉ bao gồm ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước mà bao gồm ứng dụng của nhiều lĩnh vực và có cả người dân tham gia. Quy trình nghiệp vụ thay đổi nhanh hơn và linh hoạt hơn. Khả năng ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại cho phép có độ mở lớn hơn: công nghệ IoT cho phép có giác quan, công nghệ dữ liệu lớn cho phép xử lý số liệu phi cấu trúc, trí tuệ nhân tạo sẽ giúp khai thác dữ liệu lớn để cung cấp các dịch vụ thông minh hơn.

Nếu nhìn theo mô hình thành phần đô thị thông minh thì CQĐT là một trong các lĩnh vực của đô thị thông minh, phục vụ thực hiện các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp. Việc xây dựng ĐTTM sẽ thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, thu hút người dân thói quen sử dụng các dịch vụ qua mạng. ĐTTM sẽ góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên toàn xã hội, người dân sẽ sử dụng dịch vụ công nhiều hơn, giúp hoàn thiện triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và các cơ sở dữ liệu

Mặt khác việc phát triển CQĐT sẽ góp phần thúc đẩy xây dựng ĐTTM: CQĐT cung cấp cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cung cấp nền tảng tích hợp giữa các cơ quan nhà nước trong và ngoài tỉnh (LGSP), cung cấp mô hình dịch vụ hành chính công. CQĐT tuy chỉ là một lĩnh vực trong đô thị thông minh nhưng là thành phần cốt lõi. Vì các ứng dụng công nghệ thông tin trong Chính quyền điện tử đã được triển khai và đã có các ứng dụng hiệu quả. Hệ thống các nghiệp vụ trong CQĐT là chặt chẽ, thống nhất từ trên xuống dưới từ đó hình thành một hệ thống CSDL có cấu trúc, được quản lý chặt chẽ rất quan trọng không chỉ trong CQĐT mà cả ĐTTM. Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong CQĐT đã hình thành một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ CQĐT, một đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh. Sự phát triển CQĐT đã bảo đảm sự chia sẻ, tích hợp dữ liệu. Vì vậy trong xây dựng ĐTTM phải lấy CQĐT làm cốt lõi, để lồng ghép, tích hợp, đảm bảo không chồng chéo, kế thừa và chia sẻ.

Như vậy, Chính quyền điện tử là một thành phần và là một phần quan trọng trong đô thị thông minh. Chính quyền điện tử giải quyết lĩnh vực hành chính công phục vụ người dân doanh nghiệp, trong khi Đô thị thông minh cung cấp thêm các dịch vụ công ích, dịch vụ thông minh trên các lĩnh vực kinh tế xã hội.

## PHẦN II XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TỈNH THÁI BÌNH

### I. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TỈNH THÁI BÌNH

#### 1. Cơ sở hạ tầng để triển khai các dịch vụ của Đô thị thông minh

##### a) Cơ sở hạ tầng dùng chung của tỉnh

- Mạng diện rộng của tỉnh: Tỉnh Thái Bình đã triển khai hoàn thiện Mạng diện rộng từ tỉnh, huyện đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn nhằm đồng bộ cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

- Trung tâm THDL của tỉnh: Trung tâm THDL của tỉnh đã được đầu tư nhiều máy chủ có cấu hình cao, thiết bị mạng, thiết bị tường lửa lớp mạng, thiết bị và phần mềm bảo mật nên cơ bản đáp ứng để cài đặt triển khai cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, bảo đảm các yêu cầu bảo mật tối thiểu để phát hiện được các tấn công vào các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung trong Trung tâm THDL của tỉnh. Được Ban Cơ yếu Chính phủ hỗ trợ giám sát an ninh mạng từ năm 2014. Trước tình hình mất an toàn an ninh trong thời gian qua, năm 2019 Trung tâm THDL của tỉnh đã được ưu tiên đầu tư thêm 02 thiết bị tường lửa thay thế cho thiết bị tường lửa cũ đã hết thời gian hỗ trợ của hãng; 01 thiết bị quản lý chính sách và giải pháp để quản lý diệt virus tập trung (trong đó có licence phần mềm phòng chống virus tập trung (Endpoint) cho 100% máy tính của cơ quan nhà nước các cấp tham gia sử dụng các ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng tỉnh Thái Bình đã được đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu năm 2019, lấy nguồn dữ liệu từ Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, từ hệ thống thiết bị tường lửa của các cơ quan, từ hệ thống quản lý diệt virus tập trung để thực hiện giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng cho tỉnh Thái Bình nhằm phát hiện kịp thời và phòng chống các dạng tấn công như: tấn công từ chối dịch vụ (DOS), dò quét cổng và khai thác các lỗ hổng trong các hệ thống thông tin.

##### b) Cơ sở hạ tầng trong các cơ quan nhà nước

- Cơ sở hạ tầng phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước các cấp của tỉnh cơ bản được đầu tư đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và xử lý công việc cụ thể như sau:

- + Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC là 100%;
- + Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có mạng LAN là 100%;
- + Tỷ lệ các mạng LAN kết nối Mạng diện rộng của tỉnh và kết nối Internet là 100%.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện có trang bị thiết bị tường lửa lớp mạng (Firewall) để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị.

#### 2. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

##### 2.1 Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh

###### a) Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu (LGSP) của tỉnh

Tỉnh đã hoàn thành triển khai xây dựng hệ thống LGSP của tỉnh nhằm kết nối chia sẻ các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh với các hệ thống thông tin CSDL của các bộ, ngành Trung ương thông qua hệ thống nền tảng chia sẻ dữ liệu NGSP của Quốc gia. Đã hoàn thành kết nối với hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; hệ thống quản lý lý lịch tư pháp, hệ thống quản lý văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp; hệ thống quản lý đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các hệ thống dùng chung của tỉnh như: Mạng Văn phòng điện tử liên thông, Công thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh với hệ thống LGSP của tỉnh.

b) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh)

Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh được triển khai tập trung tại Trung tâm THDL của tỉnh sử dụng trong toàn tỉnh đảm bảo liên thông 3 cấp tỉnh, huyện, xã từ năm 2016 với hơn 100 cơ quan nhà nước các cấp, các cơ quan, tổ chức khác tham gia. Trong đó: các sở, ban, ngành thuộc ủy ban nhân dân tỉnh là: 19/19 cơ quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là 8/8 cơ quan; UBND các xã, phường, thị trấn là 260/260 đơn vị. Ngoài ra các cơ quan khối Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan trực thuộc ngành dọc từ trung ương và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh đều sử dụng chung hệ thống này để thực hiện gửi/nhận văn bản điện tử; quản lý, trao đổi, điều hành, tác nghiệp trên môi trường mạng.

Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử trên Trục liên thông văn bản quốc gia chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ từ ngày 25/10/2017.

Một số chỉ tiêu tỷ lệ văn bản thông kê được trên Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình như sau:

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng là 97% (khoảng 3% văn bản mật không trao đổi bằng điện tử).

+ Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển liên thông trong phần mềm Mạng văn phòng điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã là 100%.

+ 100% công việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp huyện được thực hiện qua Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình.

Tỉnh Thái Bình đã thực hiện Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 27/10/2016 về việc triển khai chứng thư số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước đơn vị sự nghiệp của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 – 2020. Đã cấp 2.417 chứng thư số cho tổ chức để thực hiện xác thực văn bản điện tử, kê khai thuế điện tử, kê khai bảo hiểm xã hội qua mạng và thực hiện dịch vụ công của Kho Bạc; đồng thời cấp 2.503 chứng thư số cho cá nhân để đẩy mạnh việc ký số văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; hơn 800 bác sĩ đã thực hiện ký số bệnh án điện tử trong ngành Y tế Thái Bình.

c) Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh

Đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2018 có địa chỉ: <http://csdl.thaibinh.gov.vn>. Bên cạnh đó CSDL xác thực người dùng đã được xây dựng phục vụ tích hợp các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh lên hệ thống (LGSP) của tỉnh; 06 CSDL chuyên ngành bao gồm: CSDL Thông tin và

Truyền thông; CSDL người có công; CSDL Giáo dục và Đào tạo; CSDL tài sản của tỉnh; CSDL đăng ký kinh doanh; CSDL cấp phép xây dựng đã được xây dựng sẽ tiếp tục được chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp vào hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

d) Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh

Đã hoàn thiện việc nâng cấp cổng thông tin điện tử của tỉnh gồm 01 cổng chính của tỉnh và 27 cổng thành phần của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố vào cuối năm 2018. Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. 100% thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổng số trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị khác: là 15.

e) Hiện trạng cơ sở dữ liệu của tỉnh Thái Bình

- Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh

+ Một số cơ sở dữ liệu (CSDL) đã được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước đang từng bước được chuẩn hóa, chuyển đổi, tích hợp lên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu như: CSDL Quy hoạch xây dựng (Chuẩn hóa và tích hợp 08 Quy hoạch chung của Thành phố và các thị trấn; 17 Quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh; CSDL cung cấp thông tin đất đai (đã chuẩn hóa và chuyển đổi được các Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện điều chỉnh giai đoạn 2016 – 2020. Chuẩn hóa, chuyển đổi 60% CSDL thửa đất của thành phố và các huyện trên địa bàn tỉnh.

+ Năm 2020 đang thực hiện tạo lập và chuẩn hóa CSDL ngành Giao thông vận tải; CSDL khu kinh tế, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; CSDL các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh đảm bảo tính thống nhất về chia sẻ/khai thác và kết nối thông tin với các CSDL đã có của tỉnh; tiếp tục thực hiện chuyển đổi 06 đề án quy hoạch vùng, 20 cụm công nghiệp đã được phê duyệt; CSDL thửa đất còn lại của thành phố và các huyện thuộc tỉnh, xây dựng phần mềm công khai thông tin từ các CSDL dùng chung của tỉnh.

+ Phần mềm công khai thông tin đang được xây dựng, dự kiến đưa vào sử dụng trong quý 4/2020 sẽ thực hiện công khai minh bạch thông tin theo các quy định hiện hành để góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

21 cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang tiếp tục được hoàn thiện bao gồm: CSDL khoáng sản; CSDL tài nguyên nước; CSDL quy hoạch sử dụng đất; CSDL quan trắc môi trường; CSDL kho tư liệu; CSDL giao đất, cho thuê đất; CSDL ngành Y tế (hồ sơ sức khỏe cá nhân; CSDL tập trung Data Warehouse; CSDL quản lý bệnh viện HIS; CSDL bệnh truyền nhiễm; CSDL quản lý tiêm chủng; CSDL thẻ khám chữa bệnh thông minh); CSDL an toàn, an ninh trật tự; CSDL quy hoạch xây

dụng; CSDL cung cấp thông tin đất đai; CSDL cán bộ công chức viên chức; CSDL của ngành Giao thông vận tải; CSDL các khu công nghiệp của tỉnh; CSDL các khu di tích của tỉnh.

Như vậy, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước của tỉnh Thái Bình bước đầu được tổ chức thống nhất, các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước có dữ liệu và tạo thuận lợi cho việc chia sẻ dùng chung trong toàn tỉnh.

#### f) Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Tỉnh đã thực hiện thuê phần mềm, dịch vụ vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh để triển khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã. Đã thực hiện triển khai kết nối liên thông Cổng dịch vụ công trực tuyến với hệ thống tiếp nhận và trả kết quả bưu chính công ích của Bưu điện tỉnh để sẵn sàng hỗ trợ tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên toàn tỉnh. Các sở, ngành, địa phương đã thực hiện ban hành quy trình điện tử để triển khai giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Đồng thời sử dụng Mạng văn phòng điện tử liên thông để xử lý hồ sơ điện tử đã tiếp nhận.

Để đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, từ năm 2018 tỉnh Thái Bình đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quy định tại Quyết định số 877/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quy trình chung thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; Quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Bình và nhiều văn bản chỉ đạo khác. Ngày 27/5/2020 UBND tỉnh đã có Quyết định số 1513/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục 934 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trong năm 2020 và những năm tiếp theo của tỉnh Thái Bình.

#### g) Hiện trạng nguồn nhân lực

Tính đến tháng 5/2019, tỉnh có số cán bộ có trình độ chuyên môn và phụ trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh là 50 người, cấp huyện và thành phố là 21 người; số lượng cán bộ phụ trách kiêm nhiệm tại cơ quan cấp tỉnh là 33 người, cấp huyện thành phố là 12 người. Hiện tại vẫn còn một số đơn vị vẫn phải cử cán bộ kiêm nhiệm không có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin, chưa đáp ứng được nhu cầu của đơn vị. Các đơn vị nhìn chung là có nhu cầu đào tạo và tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin và đặc biệt là về phụ trách an toàn bảo mật thông tin. Cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên được tập huấn, đào tạo có kỹ năng sử dụng, khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh để triển khai phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng.



## II. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TỈNH THÁI BÌNH

### 1. Cơ hội, thuận lợi

Trong những năm qua, tỉnh Thái Bình đã đặc biệt chú trọng đến vai trò của công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế-xã hội. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Thái Bình đã đẩy mạnh và đạt được những kết quả khả quan.

Hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Thái Bình được quan tâm, đầu tư, đảm bảo cơ bản đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành trên môi trường mạng của tỉnh. Hầu hết các sở, ban, ngành đã được đầu tư, trang bị máy tính, hệ thống mạng nội bộ, kết nối với mạng diện rộng của tỉnh đảm bảo triển khai sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh, các phần mềm chuyên ngành tại cơ quan, đơn vị. Tỉnh đã thiết lập hạ tầng mạng diện rộng, Trung tâm tích hợp dữ liệu, một số cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu kết nối với hệ thống nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia, đây là những thành phần hạ tầng dùng chung quan trọng cho hệ thống Chính phủ điện tử.

Trung tâm hành chính công của tỉnh và bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã hoạt động có hiệu quả, sử dụng chung phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

Bước đầu Tỉnh đã xây dựng được một số hệ thống ứng dụng và CSDL dùng chung, phát huy hiệu quả hoạt động phục vụ cho công tác xử lý nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức và công dân.

Tỉnh đã có bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh thực hiện quản lý vận hành các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh.

Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được tỉnh quan tâm, bước đầu đã xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên môn đủ trình độ và năng lực đảm đương các nhiệm vụ cơ bản của ngành, lĩnh vực. Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo cơ bản, đáp ứng được nhu cầu công việc. Hàng năm tỉnh quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, viên chức cấp huyện, cấp xã; Các lớp bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập về an toàn an ninh thông tin tại tỉnh được tổ chức thường xuyên trong năm.

Có thể nói rằng, những kết quả đạt được về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong thời gian gần đây đã tạo chuyển biến đáng kể về nhận thức, phương pháp làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh; thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp; hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh.

### 2. Thách thức, khó khăn

- Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được xây dựng trên mô hình kiến trúc tổng thể về chính quyền điện tử cấp tỉnh, chưa liên thông về cơ sở dữ liệu, chưa đáp

ứng được nhu cầu trao đổi, chia sẻ, tổng hợp khai thác dữ liệu, hiệu quả chưa cao. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm đúng mức.

- Đầu tư trong thời gian qua còn phân tán, nhỏ lẻ nên các hệ thống phần mềm ứng dụng còn thiếu đồng bộ. Một số ứng dụng, phần mềm triển khai theo ngành dọc Trung ương nên khó sử dụng, thiếu hỗ trợ, khó tích hợp nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm, thúc đẩy đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn gặp nhiều khó khăn do thiếu CSDL để xử lý nghiệp vụ.

- Cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đơn vị còn thiếu, một số cơ quan còn phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm do chưa tuyển được cán bộ có trình độ công nghệ thông tin; kiến thức và kinh nghiệm về quản trị mạng và an toàn thông tin chưa theo kịp nhu cầu thực tế, chưa chủ động trong tham mưu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị. Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin về làm việc tại tỉnh.

### **III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TỈNH THÁI BÌNH**

#### **1. Quan điểm chỉ đạo**

Hiện tại các yếu tố đô thị thông minh của tỉnh còn ở mức thấp. Các hạng mục đã được đầu tư tập trung đều có tính kế thừa tuy nhiên vẫn cần một nguồn đầu tư lớn. Do nguồn lực có hạn nên phải kết hợp xây dựng Chính quyền điện tử với xây dựng đô thị thông minh; Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính kế thừa; tận dụng những thành tựu, kết quả đã có; phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh; phải xây dựng nền tảng chung và phát triển một số lĩnh vực ưu tiên có chọn lọc. Cần xác định các lĩnh vực và hạng mục ưu tiên, có phân kỳ hợp lý để đảm bảo tính đồng bộ của các hệ thống nhằm phát huy hiệu quả song cần có những đột phá trong phát triển các lĩnh vực thông minh với những mục tiêu cao hơn, tốc độ nhanh hơn.

#### **2. Mục tiêu xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình**

##### **2.1 Mục tiêu chung**

Xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình nhằm ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tạo bước đột phá trong thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp;

Cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ tiện ích chất lượng và kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi để thu hút mạnh mẽ các dự án đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh.

## 2.2 Mục tiêu cụ thể

### a) Mục tiêu giai đoạn 2020 - 2022

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị thông minh và chính quyền điện tử để đảm bảo triển khai ứng dụng thông minh trên tất cả các lĩnh vực phục vụ người dân và doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cấp chính quyền.

- Hoàn thiện trung tâm tích hợp dữ liệu, đảm bảo tập trung các hệ thống CSDL của Tỉnh, đảm bảo khả năng tích hợp và chia sẻ các dữ liệu để phục vụ công tác quản lý điều hành cũng như phát triển các ứng dụng thông minh trên các lĩnh vực.

- Nâng cấp năng lực giám sát không gian mạng để phòng, chống các nguy cơ mất an toàn an ninh thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật cho các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh, đảm bảo năng lực giám sát phát hiện và ngăn chặn được hầu hết các cuộc tấn công trên không gian mạng.

- Nâng cao năng lực thu thập dữ liệu, giám sát thông tin hiện trường, giám sát công vụ theo thời gian thực, ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin hiện đại để tổng hợp, phân tích hỗ trợ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Nâng cao năng lực nắm bắt, ứng phó, phối hợp hiệp đồng xử lý một cách tập trung các sự cố khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

- Đảm bảo cung cấp nhanh chóng và hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ công ích về giao thông, an ninh thông tin, bảo vệ tài sản, tính mạng, an toàn của người dân, doanh nghiệp và du khách trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao khả năng tương tác với người dân qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên ứng dụng di động để kịp thời đưa ra các cảnh báo, truyền thông rộng rãi đến người dân giúp nâng cao ý thức và hạn chế tối đa các thiệt hại về người và tài sản đồng thời để người dân tích cực tham gia giám sát chính quyền.

- Triển khai giai đoạn 1 các lĩnh vực: Giáo dục; Y tế; Giao thông; Môi trường; Nông nghiệp; Du lịch.

### b) Mục tiêu giai đoạn 2023 - 2025

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị thông minh đảm bảo triển khai ứng dụng thông minh trên tất cả các lĩnh vực.

- Mở rộng hệ thống camera giám sát trên phạm vi rộng phục vụ công tác giám sát an ninh giao thông, an ninh trật tự và nắm bắt thông tin phản ánh hiện trường trong phạm vi toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh xây dựng các ứng dụng thông minh trong các lĩnh vực đã triển khai giai đoạn 2020-2022.

- Triển khai giai đoạn 2 các lĩnh vực: Giáo dục; Y tế; Giao thông; Môi trường; Nông nghiệp; Du lịch và phát triển tiếp các lĩnh vực Quản lý đô thị thông minh; Trật tự an toàn; Ứng cứu khẩn cấp.

- Tiếp tục nâng cấp môi trường tương tác với người dân và doanh nghiệp thông qua môi trường trực tuyến: cung cấp dịch vụ công trực tuyến; cung cấp các dịch vụ thông minh; cung cấp thông tin cảnh báo và hướng dẫn và tương tác để

người dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền.

**c) Mục tiêu định hướng đến năm 2030**

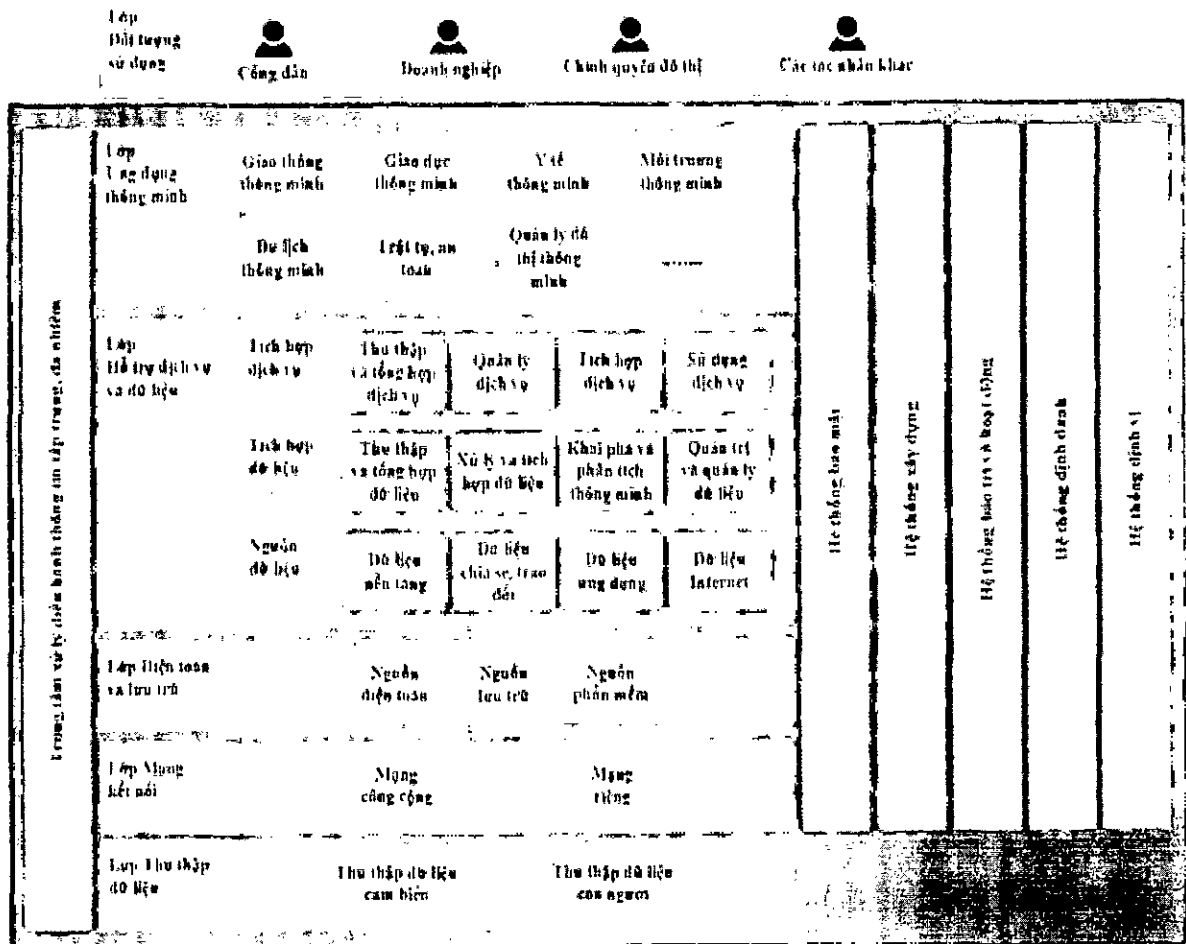
- Tiếp tục hoàn thiện, mở rộng các dự án triển khai trong giai đoạn 2022 – 2025 theo nhu cầu của thực tế.

- Triển khai hệ thống ứng dụng thông minh chuyên ngành cho các lĩnh vực khác của tỉnh nhằm tạo sự đột phá trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền và nâng cao chất lượng hưởng thụ dịch vụ của người dân trên địa bàn tỉnh như: hệ thống kinh tế tài chính thông minh; dịch vụ thông minh trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội và các dịch vụ thông minh trong các lĩnh vực khác của tỉnh.

**IV. MÔ HÌNH KIẾN TRÚC TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH TỈNH THÁI BÌNH**

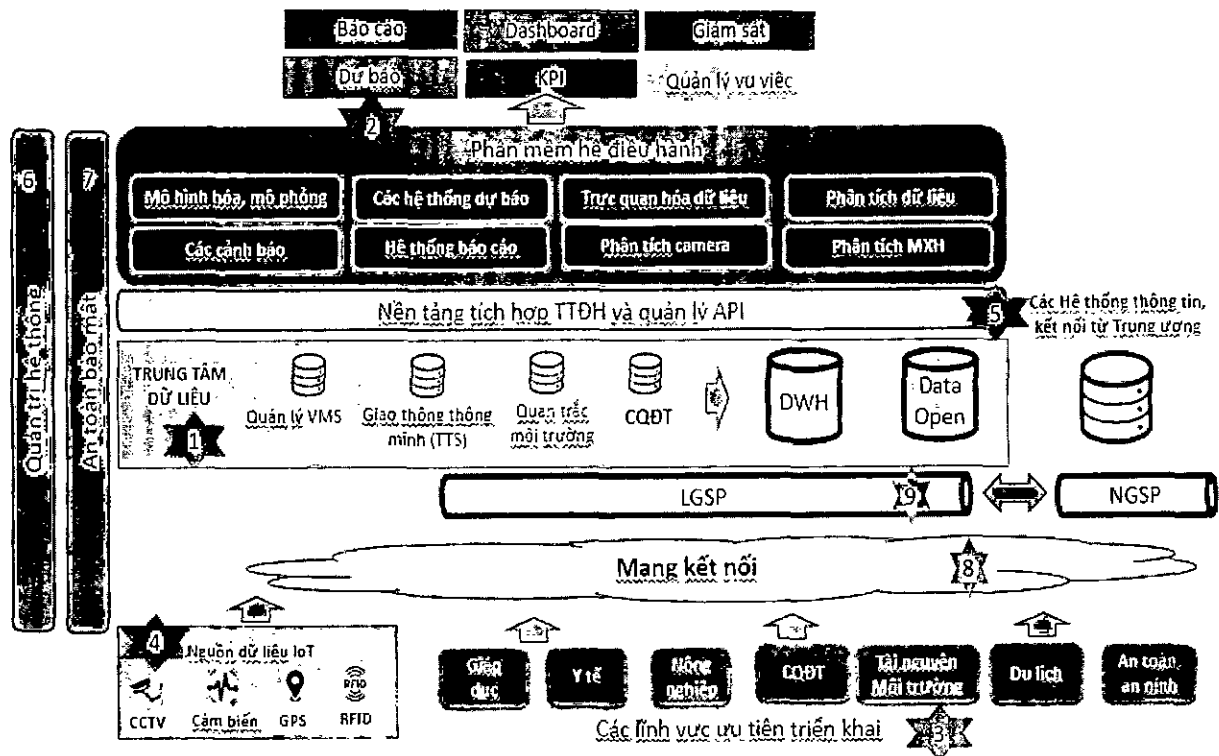
**1. Mô hình Kiến trúc tổng thể đô thị thông minh tỉnh Thái Bình**

Theo Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh ban hành tại Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sơ đồ kiến trúc tổng thể phát triển đô thị thông tin Thái Bình như sau:



**2. Mô hình thành phần Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình**

Trên cơ sở mô hình kiến trúc tổng thể phát triển đô thị thông minh, và phạm vi đề án, chúng ta xác định mô hình thành phần của đô thị thông minh Thái Bình như sau:



### 3. Lộ trình xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030

Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm 2020, trong đó:

Năm 2020: Xác định danh mục các nhiệm vụ, dự án; Hoàn thành xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thái Bình; triển khai thực hiện thuê thiết bị, kênh truyền, dịch vụ vận hành triển khai hệ thống Camera thông minh thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh giai đoạn 2020-2025.

Từ năm 2021 đến năm 2025: Chi tiết lộ trình như bảng dưới đây

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Nội dung	Lộ trình thực hiện		
		Giai đoạn 2021-2022	Giai đoạn 2023 - 2025	Giai đoạn 2026- 2030
(1)	(2)	(3)		(4)
1	Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh.	X	X	
2	Hệ thống giám sát, bảo mật an toàn thông tin.	X		
3	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông và an ninh, trật tự công cộng của Thành phố Thái Bình.	X		

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Lộ trình thực hiện		
		Giai đoạn 2021-2022	Giai đoạn 2023 - 2025	Giai đoạn 2026- 2030
4	Hệ thống thông tin giao tiếp chính quyền với người dân.	X		
5	Triển khai ứng dụng giám sát dịch vụ Hành chính công.	X		
6	Triển khai giám sát thông tin truyền thông, báo chí.	X		
7	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống phòng họp không giấy tờ.	X		
8	Dịch vụ Giáo dục thông minh.	X	X	
9	Dịch vụ Y tế thông minh.	X	X	
10	Dịch vụ giám sát Tài nguyên và Môi trường thông minh.	X	X	
11	Dịch vụ Nông nghiệp thông minh.	X	X	
12	Dịch vụ cảnh báo đô thị thông minh.		X	
13	Dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử.		X	
14	Dịch vụ Du lịch thông minh.	X	X	
15	Dịch vụ giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo cướp.		X	
16	Dịch vụ thông minh trong lĩnh vực còn lại của tỉnh.			X

#### 4. Nguồn lực thực hiện Đề án

Nguồn nhân lực: Huy động nguồn nhân lực của cả hệ thống chính trị (hạt nhân là nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh), người dân và các doanh nghiệp của tỉnh.

- Kinh phí thực hiện: Với tổng mức đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 1.315 tỷ đồng; (Số tiền bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười lăm tỷ đồng chẵn), trong đó:

Ngân sách Trung ương: 320 tỷ đồng;

Ngân sách tỉnh: 905 tỷ đồng;

Các nguồn huy động hợp pháp khác: 90 tỷ đồng;

Phân bổ cho các năm như sau:

- Năm 2021: 326 tỷ đồng;

- Năm 2022: 276 tỷ đồng;

- Năm 2023: 311 tỷ đồng;

- Năm 2024: 231 tỷ đồng;

- Năm 2025: 171 tỷ đồng.  
(Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm).

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để thực hiện các mục tiêu của Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Thái Bình xác định tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

### **1. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp về lợi ích trong việc tham gia và sử dụng các dịch vụ đô thị thông minh.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức dịch vụ đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính; thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trong việc hướng dẫn sử dụng các tiện ích về đô thị thông minh.

Tổ chức các sự kiện về phát triển đô thị thông minh nhằm cung cấp thông tin về tình hình triển khai cũng như thu hút sự quan tâm, góp ý của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội.

Thường xuyên tổ chức đánh giá, công bố, biểu dương khen thưởng các tổ chức cá nhân có thành tích tiêu biểu trong xây dựng mô hình đô thị thông minh.

### **2. Về cơ chế chính sách**

Rà soát các quy định, quy chế có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền thông minh, hệ thống thông tin để xem xét, sửa đổi, ban hành tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất phục vụ hoạt động triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án.

Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định đồng bộ, thống nhất gồm: quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; về cập nhật, lưu trữ, trao đổi thông tin dữ liệu; tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, người dân... đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh.

Xây dựng quy chế, quy định đảm bảo an toàn, an ninh mạng và xử lý, khắc phục sự cố trong xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống thông minh của tỉnh Thái Bình.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, khai thác và sử dụng các dịch vụ thông minh, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Xây dựng cơ chế chính sách thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư vào ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng Đô thị thông minh.

Có chính sách đãi ngộ thu hút công chức, viên chức, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin có trình độ, năng lực cao về công tác tại tỉnh.

### **3. Về khoa học, công nghệ**

Đối với ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông: Triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trên nền tảng điện toán đám mây và ảo hóa trong lưu trữ, quản lý các ứng dụng và cơ sở dữ liệu; Triển khai ứng dụng công

nghe thông tin đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong các hệ thống giáo dục, kinh tế, giao thông, y tế, văn hóa... thông minh theo Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh của Thái Bình. Tăng cường thuê các dịch vụ tư vấn; dịch vụ về hạ tầng công nghệ thông tin điện toán đám mây; dịch vụ lưu trữ, quản lý kho dữ liệu... nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển.

Đối với phát triển ngành công nghệ thông tin, truyền thông: Phát triển các dịch vụ công nghệ thông tin nền công nghệ điện toán đám mây cung cấp cho các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế và mọi đối tượng có nhu cầu với chi phí hợp lý và hiệu quả cao; ưu tiên các phần mềm ứng dụng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ thương mại điện tử và giáo dục đào tạo gắn với dịch vụ điện toán đám mây.

Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm các tiêu chuẩn về kết nối, tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu, truy cập thông tin, an toàn thông tin, dữ liệu đặc tả nhằm bảo đảm kết nối thông suốt, đồng bộ và khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn, thuận tiện giữa các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

#### **4. Về giám sát, đánh giá**

Xây dựng các phương pháp đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông phù hợp điều kiện thực tế tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong xây dựng, duy trì, vận hành hoạt động của các hệ thống thông minh để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời.

#### **5. Về tài chính, thu hút vốn đầu tư**

- Đề án dự kiến huy động vốn từ nhiều nguồn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và kêu gọi đầu tư, hỗ trợ từ các doanh nghiệp.

- Cân đối bố trí nguồn kinh phí hàng năm của tỉnh đảm bảo cho việc triển khai mô hình đô thị thông minh.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp giải pháp phù hợp để tham gia xây dựng mô hình đô thị thông minh.

- Kết hợp hài hòa giữa phương thức đầu tư và phương thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong quá trình triển khai mô hình đô thị thông minh nhằm giảm thiểu kinh phí đầu tư ban đầu.

#### **6. Về nguồn nhân lực**

- Rà soát, lựa chọn đội ngũ cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin để bố trí quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu và Trung tâm giám sát điều hành ĐTTM của tỉnh.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức chuyên trách để tiếp nhận, quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng và ứng dụng, dịch vụ của mô hình đô thị thông minh.



## **7. Về đảm bảo an toàn, bảo mật**

Hoàn thiện Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật cho hệ thống Chính quyền điện tử và đô thị thông minh của tỉnh bao gồm: Hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật về an toàn bảo mật mạng; Bổ sung các giải pháp sao lưu, phục hồi tự động để đảm bảo an toàn CSDL. Ban hành các chính sách về an toàn bảo mật trong khai thác, vận hành, sử dụng hệ thống Chính quyền điện tử và đô thị thông minh như: Chính sách quản lý dữ liệu; quy trình thực hiện khi phát hiện hệ thống bị tấn công; chính sách về cập nhật phiên bản (version) mới, cập nhật bản vá lỗi của phần mềm...

## **8. Giải pháp đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế**

Chủ động hợp tác, liên kết với các thành phố lớn trong nước như thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng nhằm phát huy các thế mạnh của mỗi địa phương tạo ra những khả năng phát triển mới về công nghệ thông tin, truyền thông trong xây dựng chính quyền điện tử, Đô thị thông minh.

Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế trên cả 3 lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh nghiệm và tài chính để phát triển, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong xây dựng, phát triển đô thị thông minh của tỉnh...Hợp tác, phát triển Đô thị thông minh thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin với các thành phố phát triển trên thế giới như Seoul, Singapore, Đài Bắc... tăng cường hợp tác, trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông để xây dựng, phát triển đô thị thông minh của tỉnh

## PHẦN III PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai, rà soát lại các dự án đã đầu tư và nhu cầu nhiệm vụ để xác định lộ trình cụ thể trong việc triển khai các dự án, nhiệm vụ thành phần đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả; tổng hợp, báo cáo và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp triển khai công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào thực hiện, sử dụng, khai thác các dịch vụ, tiện ích của đô thị thông minh tỉnh Thái Bình.

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trong việc hướng dẫn sử dụng các tiện ích về đô thị thông minh.

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh; các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định, quy chế và các cơ chế, chính sách liên quan; thẩm định các Dự án, nhiệm vụ thành phần đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành.

### 2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Chịu trách nhiệm giúp lãnh đạo UBND tỉnh đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong công tác triển khai thực hiện Đề án. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và hoàn thiện các quy trình tác nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính, đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tuân thủ các quy định về rà soát, đơn giản hóa và rút gọn quy trình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý.

### 3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã rà soát đội ngũ cán bộ công chức, viên chức hiện có đạt chuẩn trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin, ưu tiên sắp xếp vào vị trí chuyên trách về công nghệ thông tin; có kế hoạch đào tạo nâng cao để đạt chuẩn trình độ mọi mặt về công nghệ thông tin, sẵn sàng làm đầu mối triển khai thực hiện các nội dung của đô thị thông minh tỉnh Thái Bình.

### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào ứng dụng thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn đầu tư xây dựng mô hình đô thị thông minh. Phối hợp với Sở Tài chính, cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ;

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành;

- Là đầu mối xây dựng chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin.

### **5. Sở Tài chính**

- Chủ trì tham mưu, đề xuất việc bảo đảm bố trí kinh phí cho các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong đô thị thông minh sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Đề án được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Đề án theo đúng tiến độ. Hướng dẫn cho đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Đề án.

### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Đề án đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

### **7. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành có liên quan đề xuất phương án liên thông, công khai quy hoạch xây dựng, sử dụng đất; cơ sở dữ liệu đất đai để thu hút đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

### **8. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Tỉnh đoàn và các sở, ngành có liên quan thực hiện đưa các nội dung chuyên đề, phổ cập kiến thức về đô thị thông minh vào các trường trung học phổ thông, cao đẳng, dạy nghề, đại học trên địa bàn tỉnh.

### **9. Các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan**

Phối hợp triển khai các nội dung có liên quan đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Thực hiện việc chia sẻ ứng dụng và cơ sở dữ liệu, tăng cường và đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Thành lập các Ban Chỉ đạo tương ứng với mô hình cấp tỉnh để triển khai Đề án trên địa bàn;

- Có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trong Đề án ở cấp huyện và chủ động cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định;

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy trình tác nghiệp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp của địa phương.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường trang bị cơ sở vật chất; thực hiện niêm yết, công khai quy trình của các thủ tục hành chính thuộc thẩm

quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã để công khai minh bạch thông tin, phục vụ doanh nghiệp và người dân ngày càng tốt hơn.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn tuyên truyền đến cán bộ, công chức và nhân dân về vai trò và lợi ích và tình hình, kết quả triển khai mô hình đô thị thông minh tại địa phương.

#### **11. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trên địa bàn**

Tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

#### **12. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông**

Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển đô thị thông minh của tỉnh, vừa đảm bảo mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển công nghệ thông tin- truyền thông nói riêng.

## PHẦN KẾT LUẬN

Tỉnh Thái Bình xác định xây dựng Đô thị thông minh là động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa tỉnh hướng tới sự phát triển vượt bậc và bền vững; thời gian qua tỉnh đã đề ra những chủ trương, chính sách và một số giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, hướng đến mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đây là mục tiêu đồng thời cũng là động lực thúc đẩy sự vươn lên mạnh mẽ hơn nữa của tỉnh trong những năm tới.

Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 là lộ trình tất yếu để cùng các tỉnh, thành phố trong cả nước hướng tới Chính phủ số nên phải được thực hiện thống nhất từ tỉnh đến các địa phương.

Hiệu quả đạt được khi xây dựng thành công đô thị thông minh tỉnh Thái Bình:

### 1. Đối với người dân

Sẽ được sử dụng các dịch vụ thông minh của chính quyền đồng thời giám sát và kiểm tra các hoạt động của chính quyền; được cung cấp các ứng dụng để giao tiếp với chính quyền và mọi ý kiến phản ánh của người dân được giải đáp nhanh và thỏa đáng.

### 2. Đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư

Sẽ được hưởng một môi trường kinh doanh và các điều kiện thu hút đầu tư nhiều hơn, tốt hơn. Được chủ động tham gia vào việc hoạch định chính sách, cũng như các hoạt động chỉ đạo điều hành của chính quyền. Được sử dụng các dịch vụ của chính quyền một cách thông minh để tiết kiệm nhiều thời gian cho doanh nghiệp.

### 3. Đối với chính quyền

Nâng cao tính minh bạch và tin cậy của chính quyền thông qua việc đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành; cung cấp và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong cung cấp dịch vụ thông minh cho người dân và doanh nghiệp trên cơ sở đảm bảo an toàn thông tin mạng và bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng.

### 4. Đối với xã hội

Đô thị thông minh cải tiến mối tác động qua lại giữa 4 chủ thể chính của xã hội là chính quyền, công chức, người dân và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. / *Dang*

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng

**Phụ lục 01: Danh mục nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Thái Bình  
giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên Dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư					Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	NSTW		NSDP		Nguồn hợp pháp khác
									Đầu tư	Sự nghịệp	Đầu tư	Sự nghịệp	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm giám sát điều hành ĐTTM và xây dựng phần mềm nền tảng Đô thị thông minh (SCP) tỉnh Thái Bình	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT làm nền tảng cho việc xây dựng Đô thị thông minh. Đầu tư phần mềm nền tảng phục vụ xây dựng nền tảng tích hợp, đảm bảo kết nối được dễ dàng và an toàn tất cả các ứng dụng thông minh của các lĩnh vực.	Đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị, phần cứng và phần mềm	50.000	50.000	100.000	50.000	50.000	100.000			200.000	

2	Đầu tư nâng cấp Hệ thống giám sát, bảo mật an toàn thông tin	Phục vụ giám sát phát hiện và ngăn chặn được các tấn công trên mạng Internet nhằm khai thác các lỗ hổng của các ứng dụng dùng chung của tỉnh và thiết bị tin học trong Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Nâng cấp Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh	20.000	20.000					10.000		30.000	
3	Triển khai Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường	Nhằm tiếp nhận, xử lý các thông tin, hình ảnh, video của người dân phản ánh về các vi phạm trên địa bàn đến cho chính quyền và chính quyền thông báo lại cho	Xây dựng Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường Tích hợp kết nối với các hệ thống Trung tâm điều	15.000	15.000					10.000		10.000	10.000

		người dân	hành đô thị thông minh										
4	Triển khai ứng dụng giám sát dịch vụ Hành chính công	Xây dựng ứng dụng giám sát dịch vụ hành chính công Cho phép giám sát chất lượng, số lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Hỗ trợ người dùng theo dõi tiến độ thực hiện chỉ đạo. - Đảm bảo báo cáo tiến độ định kỳ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	20.000	20.000					10.000		30.000	



5	Triển khai giám sát thông tin truyền thông, báo chí	Giám sát, kiểm soát thông tin truyền thông, báo chí và mạng xã hội nhằm đưa ra các báo cáo, quyết định về tình hình, dư luận trên mạng xã hội.	Hệ thống hạ tầng, CSDL, phần mềm chuyên dụng cho hệ thống giám sát thông tin truyền thông	10.000	10.000							10.000	10.000
6	Xây dựng dịch vụ giáo dục thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống hạ tầng, phần mềm điều hành và phần mềm chuyên ngành	40.000	40.000	40.000	30.000	30.000			30.000	150.000	Sự nghiệp giáo dục
7	Xây dựng dịch vụ Y tế thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ	Hệ thống hạ tầng, CSDL, phần mềm điều hành và	40.000	30.000	30.000	30.000	20.000			50.000	100.000	Sự nghiệp y tế

		chuyên môn ngành Y tế	chuyên ngành Y tế										
8	Xây dựng dịch vụ giám sát Tài nguyên & môi trường tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Ngành Tài nguyên và Môi trường	Nâng cấp trung tâm điều hành vật lý, CSHT, CSDL và các phần mềm điều hành và chuyên ngành	30.000	20.000	40.000	30.000	30.000			30.000		120.000 Sự nghiệp tài nguyên môi trường
9	Xây dựng hệ thống nông nghiệp thông minh tỉnh Thái Bình	Thực hiện quản lý, điều hành thông minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành Nông nghiệp	Phòng điều hành, hạ tầng CNTT, các phần mềm quản lý và chuyên ngành	30.000	20.000	30.000	30.000	10.000			20.000		100.000 Sự nghiệp nông nghiệp
10	Xây dựng dịch vụ cảnh báo	Truyền tải các thông tin như: tình hình tội	Hệ thống CSHT, CSDL,			20.000	20.000	10.000			20.000		20.000 10.000

	đô thị thông minh	phạm; các hình thức lừa đảo, thủ đoạn tội phạm mới; hàng giả, hàng kém chất lượng; tình hình ùn tắc và vi phạm giao thông; sự cố điện để nhận biết, đề phòng hoặc có kế hoạch đối phó kịp thời	phần chuyên ngành cho Hệ thống cảnh báo đô thị thông minh										
11	Xây dựng dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử	Nhằm quản lý các điểm lắp đặt quảng cáo điện tử ngoài trời. Kiểm soát được nội dung của quảng cáo; thời lượng thời gian quảng cáo; tiếp nhận thông tin phản ánh, kiểm tra tình trạng hoạt	Phần mềm quản lý và CSDL cho dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử triển khai trên địa bàn tỉnh			20.000	10.000			10.000		10.000	10.000

		động của các phương tiện quảng cáo điện tử											
12	Xây dựng dịch vụ du lịch thông minh tỉnh Thái Bình	Nhằm hỗ trợ du khách trải nghiệm du lịch; hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch hoạt động hiệu quả và hỗ trợ các cơ quan quản lý du lịch phân tích, dự báo đẩy mạnh quảng bá và quản lý hoạt động du lịch;	Xây dựng CSHT, CSDL, phần mềm quản lý và chuyên ngành	30.000	20.000	20.000	20.000	10.000		30.000		70.000	Sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch
13	Xây dựng dịch vụ giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo	Dữ liệu video giám sát thu thập thông qua hệ thống giám sát hình ảnh camera tập	Xây dựng CSHT, phần mềm quản lý và chuyên			10.000	10.000	10.000				20.000	10.000

	cướp	trung thực hiện kết nối đến cơ sở dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực để phục vụ điều hành, xử lý các tình huống cảnh báo cháy, cảnh báo cướp	ngành để giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo cướp trên địa bàn tỉnh Thái Bình											
14	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông và an ninh, trật tự công cộng của tỉnh Thái Bình	Nhằm giám sát, điều hành giao thông thông minh và an ninh, trật tự công cộng của tỉnh Thái Bình	Đầu tư hoặc thuê thiết bị, đường truyền, dịch vụ vận hành của hệ thống	40.000	30.000								30.000	40.000
15	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống phòng họp không	Phục vụ các hoạt động quản lý điều hành của cơ quan nhà nước	Thuê hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống phòng họp không	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000					5.000	

	giấy tờ		giấy tờ										
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>326.000</b>	<b>276.000</b>	<b>311.000</b>	<b>231.000</b>	<b>171.000</b>	<b>100.000</b>	<b>220.000</b>	<b>200.000</b>	<b>705.000</b>	<b>90.000</b>

Phụ lục 02: Bảng phân nhóm bộ chỉ số

Lớp	Nhóm	Phân nhóm	Tên chỉ số	Ký hiệu
Lấy người dân làm trung tâm (L1)	Chia sẻ thông tin và lắng nghe ý kiến cư dân đô thị (L1.N1)	Dân biết (L1.N1.PN1)	Tình hình công khai thông tin đô thị cho người dân	L1.N1.PN1.01 ~03
		Dân bàn (L1.N1.PN2)	Việc công khai kết quả phản ánh của người dân về hoạt động của CQĐT	L1.N1.PN2.01 ~03
		Dân kiểm tra, giám sát (L1.N1.PN3)	Mức độ thường xuyên đánh giá sự hài lòng của người dân	L1.N1.PN3.01
	Tạo điều kiện cho người dân đô thị tham gia xây dựng ĐTTM (L1.N2)	Người dân tham gia phản hồi thông tin cho CQĐT (L1.N2.PN1)	Sự sẵn sàng của hạ tầng giúp người dân tham gia phản hồi thông tin cho CQĐT	L1.N2.PN1.01
	Cảm nhận của người dân đô thị (L1.N3)	Cảm nhận của người dân về tiên bộ của đô thị (L1.N3.PN1)	Đánh giá chung của người dân về sự tiên bộ của đô thị	L1.N3.PN1.01
Hiệu quả hoạt động của bộ máy Chính quyền đô thị (L2)	Dịch vụ, tiện ích ĐTTM (L2.N1)	Dịch vụ công (L2.N1.PN1)	Tình hình sử dụng một mã số điện tử trong các dịch vụ hành chính công	L2.N1.PN1.01
			Mức độ ứng dụng ICT trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến	L2.N1.PN1.02
			Đánh giá mức hỗ trợ ICT trong thủ tục hành chính	L2.N1.PN1.03
		Dịch vụ giao thông (L2.N1.PN2)	Tình hình cung cấp thông tin giao thông thời gian thực	L2.N1.PN2.01

			Tình hình ứng dụng ICT hỗ trợ giám sát chất lượng dịch vụ giao thông công cộng	L2.N1.PN2.03
		Dịch vụ y tế (L2.N1.PN3)	Tình hình sử dụng bệnh án điện tử	L2.N1.PN3.01
			Tình hình ứng dụng ICT trong đăng kí khám chữa bệnh	L2.N1.PN3.02
	Dịch vụ giáo dục (L2.N1.PN5)	Tình hình phổ cập lớp học đa phương tiện tại trường học	L2.N1.PN5.01	
		Tình hình ứng dụng ICT trong kết nối gia đình và nhà trường	L2.N1.PN5.02	
	Quản lý đô thị hiệu quả (L2.N2)	Công tác quản lý đô thị (L2.N2.PN1)	Ứng dụng CNTT trong quản lý tài sản công	L2.N2.PN1.01
			Ứng dụng CNTT trong quản lý xây dựng đô thị	L2.N2.PN1.02
An ninh trật tự và PCCC của đô thị		Mật độ lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự công cộng	L2.N2.PN2.01	
		(L2.N2.PN2)	Tình hình ứng dụng ICT trong công tác phòng cháy chữa cháy	L2.N2.PN2.02
			Bảo vệ môi trường (L2.N3)	Bảo vệ môi trường (L2.N3.PN1)
	Tình hình ứng dụng ICT theo dõi ô nhiễm nguồn nước	L2.N3.PN1.02		



			Tình hình ứng dụng ICT theo dõi ô nhiễm không khí	L2.N3.PN1.03
			Tình hình ứng dụng ICT giám sát ô nhiễm tiếng ồn	L2.N3.PN1.04
			Tình hình ứng dụng ICT giám sát xử lý nước thải	L2.N3.PN1.05
			Mức độ công khai các thông tin về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức	L2.N3.PN1.06
Định hướng và thúc đẩy (L3)	Hạ tầng thông tin (L3.N1)	Hạ tầng thông tin băng rộng (L3.N1.PN1)	Tình hình phổ cập Wifi tại các điểm công cộng	L3.N1.PN1.01
			Tình hình cung cấp mạng cáp quang đến khách hàng	L3.N1.PN1.02
			Tình hình phổ cập băng rộng di động	L3.N1.PN1.03
	Hạ tầng thông tin (L3.N1)	Chia sẻ tài nguyên (L3.N1.PN2)	Mức độ công khai tài nguyên thông tin công cộng tới xã hội	L3.N1.PN2.01
			Tình hình chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các ngành/lĩnh vực quản lý của đô thị	L3.N1.PN2.02
			Tình hình khai thác sử dụng tài nguyên số thông qua sự hợp tác giữa doanh nghiệp và CQĐT	L3.N1.PN2.03

	An toàn thông tin (L3N2)	An toàn thông tin (L3.N2.PN1)	Tình hình đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung (toàn tỉnh)	L3.N2.PN1.01
	Sự chuẩn bị nguồn lực cho xây dựng ĐTTM (L3.N3)	Chính sách, nhân lực và tài chính cho xây dựng ĐTTM (L3.N3.PN1)	Sự chuẩn bị điều kiện về chính sách và pháp lý cho việc xây dựng ĐTTM	L3.N3.PN1.01
Sự sẵn sàng về nguồn nhân lực ICT cho xây dựng ĐTTM			L3.N3.PN1.02	
Sự sẵn sàng về nguồn lực tài chính cho xây dựng ĐTTM			L3.N3.PN1.03	
Đổi mới sáng tạo/ tính mở của đô thị (L3.N4)		Thúc đẩy, định hướng các điều kiện hỗ trợ xây dựng ĐTTM (L3.N4.PN1)	Mức độ đóng góp/tham gia của người dân trong hoạt động đổi mới, sáng tạo của đô thị	L3.N4.PN1.01
			Mức độ cung cấp dịch vụ trực tuyến của doanh nghiệp	L3.N4.PN1.02
			Tình hình huy động nguồn lực xã hội hóa cho xây dựng ĐTTM	L3.N4.PN1.03

Phụ lục 03. Bảng Bộ chỉ tiêu chi tiết giai đoạn 2021-2022

STT	Tên chỉ số	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số liệu hiện tại của Thái Bình	Chỉ tiêu đề ra đến hết năm 2020 khi chưa triển khai Đề án ĐTTM	Chỉ tiêu ĐTTM cho Thái Bình
1	Tình hình công khai thông tin quy hoạch đô thị cho người dân	L1.N1.PN1.01	%	90	100	100
2	Tình hình công khai thông tin ngân sách cho người dân	L1.N1.PN1.02	%	100	100	100
3	Tình hình công khai dịch vụ công cho người dân	L1.N1.PN1.03	%	100	100	100
4	Việc công khai thông tin quy hoạch có kết quả phản ánh của người dân	L1.N1.PN2.01	%	100	100	100
5	Việc công khai thông tin ngân sách có kết quả phản ánh của người dân	L1.N1.PN2.02	%	Chưa triển khai	30	50
6	Việc công khai thông tin dịch vụ công có kết quả phản ánh của người dân	L1.N1.PN2.03	%	100	100	100
7	Mức độ thường xuyên đánh giá sự hài lòng của người dân	L1.N1.PN3.01	%	10	10	100
8	Sự sẵn sàng của hạ tầng giúp người dân tham gia phản hồi thông tin cho CQĐT	L1.N2.PN1.01	%	100	100	100
9	Đánh giá chung của người dân về sự tiến bộ của đô thị	L1.N3.PN1.01	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	≥ 50
10	Tình hình sử dụng một mã số điện tử trong các dịch vụ hành chính công	L2.N1.PN1.01	%	Mới triển khai phía các cơ quan nhà nước	Chưa xác định	≥ 50

11	Mức độ ứng dụng ICT trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến	L2.N1.PN1.02	%	33,7	33,7	$\geq 50$
12	Đánh giá mức hỗ trợ ICT trong thủ tục hành chính	L2.N1.PN1.03	%	50	50	100
13	Tình hình cung cấp thông tin giao thông thời gian thực	L2.N1.PN2.01	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
14	Tình hình ứng dụng ICT hỗ trợ giám sát chất lượng dịch vụ giao thông công cộng	L2.N1.PN2.03	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
15	Tình hình sử dụng bệnh án điện tử	L2.N1.PN3.01	%	Đang triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
16	Tình hình ứng dụng ICT trong đăng kí khám chữa bệnh	L2.N1.PN3.02	%	Đang triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
17	Tình hình phổ cập lớp học đa phương tiện tại trường học	L2.N1.PN5.01	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
18	Tình hình ứng dụng ICT trong kết nối gia đình và nhà trường	L2.N1.PN5.02	%	Đang triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
19	Ứng dụng CNTT trong quản lý tài sản công	L2.N2.PN1.01	%	100	100	100
20	Ứng dụng CNTT trong quản lý xây dựng đô thị	L2.N2.PN1.02	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	100
21	Mật độ lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự công cộng	L2.N2.PN2.01	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	$\geq 50$
22	Tình hình ứng dụng ICT trong công tác phòng cháy chữa cháy	L2.N2.PN2.02	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	80
23	Tình hình ứng dụng ICT trong giám sát ô nhiễm đất đai	L2.N3.PN1.01	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	80
24	Tình hình ứng dụng ICT theo dõi ô nhiễm nguồn nước	L2.N3.PN1.02	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	80

25	Tình hình ứng dụng ICT theo dõi ô nhiễm không khí	L2.N3.PN1.03	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	80
26	Tình hình ứng dụng ICT giám sát ô nhiễm tiếng ồn	L2.N3.PN1.04	Điểm giám sát / Km <sup>2</sup>	Chưa triển khai	Chưa xác định	0,2
27	Tình hình ứng dụng ICT giám sát xử lý nước thải	L2.N3.PN1.05	%	0	0	100
28	Mức độ công khai các thông tin về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức	L2.N3.PN1.06	%	0	0	50
29	Tình hình phổ cập wifi tại các điểm công cộng	L3.N1.PN1.01	%	Đang triển khai	0	100
30	Tình hình cung cấp mạng cáp quang đến khách hàng	L3.N1.PN1.02	%	70	0	100
31	Tình hình phổ cập băng rộng di động	L3.N1.PN1.03	%	50	0	100
32	Mức độ công khai tài nguyên thông tin công cộng tới xã hội	L3.N1.PN2.01	%	50	100	100
33	Tình hình chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các ngành/lĩnh vực quản lý của đô thị	L3.N1.PN2.02	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	≥ 30
34	Tình hình khai thác sử dụng tài nguyên số thông qua sự hợp tác giữa doanh nghiệp và CQĐT	L3.N1.PN2.03	%	Chưa triển khai	Chưa xác định	≥ 3
35	Tình hình đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung (toàn tỉnh)	L3.N2.PN1.01	%	50	50	≥ 80

36	Sự chuẩn bị điều kiện về chính sách và pháp lý cho việc xây dựng ĐTTM	L3.N3.PN1.01	Có/ Chưa	Có	Có	Có
37	Sự sẵn sàng về nguồn nhân lực ICT cho xây dựng ĐTTM	L3.N3.PN1.02	%	Chưa xác định	Chưa xác định	$\geq 80$
38	Sự sẵn sàng về nguồn lực tài chính cho xây dựng ĐTTM	L3.N3.PN1.03	%	Chưa xác định	Chưa xác định	$\geq 30$
39	Mức độ đóng góp/tham gia của người dân trong hoạt động đổi mới, sáng tạo của đô thị	L3.N4.PN1.01	%	Chưa xác định	Chưa xác định	$\geq 5$
40	Mức độ cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp	L3.N4.PN1.02	%	20	20	$\geq 70$
41	Tình hình huy động nguồn lực xã hội hóa cho xây dựng ĐTTM	L3.N4.PN1.03	%	Chưa xác định	Chưa xác định	$\geq 5$